

**BẢNG THÔNG KÊ VĂN BẰNG BẢO HỘ SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP CỦA 63 TỈNH,
THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG NĂM 2024**

STT	Mã tỉnh	Tên tỉnh	SC	HI	KD	NH
1	An Giang	AGG	1	4	25	209
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	BTU	2	4	27	202
3	Bắc Giang	BGG	4	0	1	308
4	Bắc Kạn	BKN	1	0	2	14
5	Bạc Liêu	BKL	0	0	0	51
6	Bắc Ninh	BNH	0	0	9	510
7	Bến Tre	BTE	0	1	2	147
8	Bình Định	BĐH	2	1	9	140
9	Bình Dương	BDG	1	4	60	747
10	Bình Phước	BPC	1	1	1	101
11	Bình Thuận	BTN	2	1	3	131
12	Cà Mau	CMU	4	5	4	126
13	Cần Thơ	CTỐ	2	2	1	449
14	Cao Bằng	CBG	0	0	2	21
15	Đà Nẵng	ĐNG	5	3	5	541
16	Đắk Lắk	ĐLK	0	0	7	219
17	Đắk Nông	ĐNN	0	0	1	94
18	Điện Biên	ĐBN	0	0	0	16
19	Đồng Nai	ĐNI	0	3	17	749
20	Đồng Tháp	ĐTP	0	0	12	280
21	Gia Lai	GLI	0	0	1	118
22	Hà Giang	HGG	0	0	0	62
23	Hà Nam	HNM	0	0	25	160
24	Hà Nội	HNI	216	169	378	12549
25	Hà Tĩnh	HTH	0	0	0	245
26	Hải Dương	HDG	1	0	27	437
27	Hải Phòng	HPG	3	1	9	493
28	Hậu Giang	HGN	0	0	0	45
29	Hòa Bình	HBH	0	1	0	73
30	Hưng Yên	HYN	1	4	31	532
31	Khánh Hòa	KHA	0	3	8	298
32	Kiên Giang	KGG	0	0	2	182
33	Kon Tum	KTM	0	0	0	37
34	Lai Châu	LCU	0	0	0	32
35	Lâm Đồng	LDG	0	1	10	329
36	Lạng Sơn	LSN	0	0	1	81

37	Lào Cai	LCI	1	0	1	73
38	Long An	LAN	0	0	26	744
39	Nam Định	NĐH	0	1	0	287
40	Nghệ An	NAN	2	11	13	316
41	Ninh Bình	NBH	0	1	3	138
42	Ninh Thuận	NTN	0	1	2	66
43	Phú Thọ	PTO	0	1	7	208
44	Phú Yên	PYN	0	0	0	77
45	Quảng Bình	QBH	0	2	0	60
46	Quảng Nam	QNM	0	1	1	167
47	Quảng Ngãi	QNI	0	0	2	163
48	Quảng Ninh	QNH	3	4	18	209
49	Quảng Trị	QTI	0	0	2	79
50	Sóc Trăng	STG	0	0	1	128
51	Sơn La	SLA	0	1	0	51
52	Tây Ninh	TNH	0	0	2	118
53	Thái Bình	TBH	1	0	3	229
54	Thái Nguyên	TNN	2	2	2	200
55	Thanh Hóa	THA	0	1	3	337
56	Thừa Thiên Huế	TTH	0	6	2	200
57	Tiền Giang	TGG	0	1	1	152
58	TP. Hồ Chí Minh	HCM	57	63	379	11636
59	Trà Vinh	TVH	0	3	15	114
60	Tuyên Quang	TQG	0	0	2	79
61	Vĩnh Long	VLG	0	0	0	103
62	Vĩnh Phúc	VPC	0	1	4	258
63	Yên Bái	YBI	0	0	1	49